

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17-5-2019

V/v: Ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Trương Tấn Đồng**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Phẩm**

2. Ông **Cao Thành Phước**

- Thư ký phiên toà: Bà **Đặng Thúy Nga**, là Thư ký Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2019/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019. Về việc: Tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Hồng T**, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú ấp A, xã L, huyện L, tỉnh V (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Hồ Văn B**, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú ấp C, xã M, huyện M, tỉnh V (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 01 năm 2019, nguyên đơn chị Nguyễn Hồng T trình bày: Vào năm 2008, chị và anh B kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh V ngày 09 tháng 5 năm 2008. Chị T cho rằng sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được vài năm, sau đó thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B thường hay đánh đập chị. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khắc phục được nên chị và anh B đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Chị T xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về nuôi con chung Chị T xác định chị và anh B có hai người con chung là cháu Hồ Ngọc Bích T, sinh ngày 05/02/2008 và Hồ Thị Kim N, sinh ngày 15/11/2011 hiện đang sống với chị. Khi ly hôn Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu Hồ Ngọc Bích T và Hồ Thị Kim N và chị yêu cầu anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng một người một tháng.

Về chia tài sản chung Chị T xác định chị và anh B có 01 chiếc xe mô tô giá trị 14.000.000 đồng và anh B đang quản lý. Chị yêu cầu chia đôi và chị xin nhận bằng tiền là 7.000.000 đồng.

Về nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không được các ngày 20/02/2019; ngày 15/3/2019 và tại phiên tòa, Chị T thay đổi yêu cầu khởi kiện. Cụ thể:

Về cấp dưỡng nuôi con Chị T yêu cầu mức cấp dưỡng là 750.000 đồng một tháng.

Về chia tài sản chung Chị T rút yêu cầu chia chiếc xe mô tô.

Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình Chị T đã cung cấp cho Tòa án Giấy chứng nhận kết hôn số: 30, quyển số 01/2018 ngày 09 tháng 5 năm 2008 (Bản chính) và Trích lục khai sinh mang tên Hồ Ngọc Bích T (Bản sao) và Hồ Thị Kim N(bản sao).

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo cho bị đơn anh B biết việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu của Chị T. Nhưng anh B không có văn bản trả lời, không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải các ngày 20 tháng 02 năm 2019; ngày 15 tháng 3 năm 2019; phiên tòa ngày 23 tháng 4 năm 2019 và phiên tòa ngày hôm nay. Mặc dù đã được tổng đạt triệu tập hợp lệ.

Tại biên bản tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không được ngày 20 tháng 02 năm 2019, các cháu Hồ Ngọc Bích T và Hồ Thị Kim N trình bày: Trường hợp cha mẹ cháu phải ly hôn thì cháu yêu cầu được sống với mẹ và yêu cầu cha cháu phải có nghĩa vụ cấp dưỡng với mức cấp dưỡng là 7500.000 đồng một người một tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Các đương sự tranh chấp ly hôn, về nuôi con và cấp dưỡng là tranh chấp hôn nhân và gia đình; bị đơn anh B có nơi cư trú tại xã M, huyện M, tỉnh V. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện M thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định

tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập tổng đạt hợp lệ nhưng bị đơn anh B đều vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh B là đúng theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 2008, Chị T và anh B kết hôn. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh V ngày 09 tháng 5 năm 2008. Vì vậy hôn nhân của Chị T và anh B là hợp pháp.

Xét; việc Chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình hai người không hợp nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống và anh B thường hay đánh đập chị. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khắc phục được. Mặc dù đã được gia đình hòa giải nhiều lần để cho hai người đoàn tụ chung sống với nhau nhưng không có kết quả. Hơn nữa, hiện nay Chị T xác định chị không còn tình cảm với anh B và hai người đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa Chị T và anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc Chị T yêu cầu được ly hôn với anh B là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 9, 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Xét; Từ khi Chị T và anh B ly thân đến nay thì hai cháu Hồ Ngọc Bích T và Hồ Thị Kim N do Chị T nuôi dưỡng, các cháu vẫn sống, phát triển và trưởng thành bình thường. Đồng thời, hai cháu Bích T và cũng có nguyện vọng muốn được sống với mẹ. Vì vậy, xét việc Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu Bích T và Kim N và yêu cầu anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mức cấp dưỡng là 7500.000 đồng một người một tháng là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2.3] Về chia tài sản: Xét; việc Chị T rút yêu cầu chia chiếc xe mô tô là hoàn toàn tự nguyện nên chấp nhận.

[2.4] Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[2.5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 và Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 9; 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 24; Điểm a Khoản 5 Điều 27 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Hồng T và anh Hồ Văn B.
2. Về nuôi con chung: Giao 02 (Hai) cháu Hồ Ngọc Bích T, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2008 và Hồ Thị Kim N, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2011 cho chị Nguyễn Hồng T nuôi dưỡng, anh Hồ Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 750.000 đồng (Bảy trăm năm chục ngàn đồng) một người một tháng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh Hồ Văn B có quyền tới lui trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản chung: Đình chỉ giải quyết việc chị Nguyễn Hồng T yêu cầu chia chiếc xe mô tô.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Hồng T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng) theo các biên lai thu tiền số 0006813; 0006814 cùng ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, như vậy chị Nguyễn Hồng T được nhận lại số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng)

Buộc anh Hồ Văn B phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng

Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được qui định theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh V;
- VKSND huyện M;
- Chi cụcTHADS huyện M;
- UBND xã M;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã Ký)

Trương Tấn Đồng